

Số: 228/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Cầu đến năm 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 174/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Cầu đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

**1. Phạm vi quy hoạch**

Toàn bộ diện tích lưu vực sông Cầu (khoảng 6.030 km<sup>2</sup>) thuộc ranh giới hành chính của các tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương và một phần thành phố Hà Nội (huyện Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh).

**2. Quan điểm quy hoạch**

Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch xây dựng các tỉnh thuộc lưu vực sông Cầu; Đề án Tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 174/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1930/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch thoát nước 3 vùng kinh tế trọng điểm

Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020 tại Quyết định số 1336/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cho các khu dân cư và các khu công nghiệp bảo đảm phát triển hệ thống thoát nước ổn định, bền vững trên cơ sở xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước mưa, nước thải từ thu gom, chuyển tải đến xử lý theo từng lưu vực, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội.

Sử dụng công nghệ, thiết bị xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xử lý nước thải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương; ưu tiên áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, có tính đến khả năng nâng cấp trong tương lai.

Khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước tham gia đầu tư xây dựng và quản lý vận hành hệ thống thoát nước.

### 3. Mục tiêu quy hoạch

Cụ thể hóa Đề án Tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 174/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2006.

Dự báo nhu cầu thoát nước và xử lý nước thải; xác định các vùng tiêu thoát nước; phương án thoát nước, xử lý nước thải và nhu cầu đầu tư trong từng giai đoạn.

Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

Làm cơ sở cho việc lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thuộc phạm vi lưu vực sông Cầu.

### 4. Nội dung quy hoạch

#### a) Quy hoạch tiêu thoát nước vùng

- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Hệ số tiêu cho đô thị loại đặc biệt và các khu công nghiệp tập trung: 15÷20 l/s.ha.

+ Hệ số tiêu cho các đô thị (từ loại V đến loại I): 12÷15 l/s.ha.

+ Hệ số tiêu cho khu vực dân cư nông thôn: 8÷10 l/s.ha.

- Quy hoạch tiêu thoát nước vùng:

+ Lưu vực sông Cầu được chia thành 15 vùng tiêu bao gồm:

04 khu tiêu từ chảy miền núi bao gồm: Thượng Thác Huống, Thượng Núi Cốc, Thượng Sông Thương và Sông Lục Nam.

. 11 khu tiêu kết hợp tiêu tự chảy và tiêu động lực cho một số vùng có địa hình thấp hơn mực nước sông trong mùa lũ.

+ Giải pháp tiêu thoát nước cho các khu vực là tích nước bằng hệ thống hồ điều hòa, hồ cảnh quan trong lưu vực, tăng cường chế độ tiêu tự chảy, giảm thiểu chi phí đầu tư, quản lý hệ thống công trình đầu mối tiêu động lực, cải thiện môi trường sinh thái và góp phần tạo dựng mỹ quan đô thị.

+ Mặt phủ tự nhiên thấm nước được không chế ngay từ ban đầu; hạn chế chuyển đổi diện tích mặt nước hiện có sang mục đích sử dụng khác. Giảm thiểu hiện tượng ngập úng trong quá trình đô thị hoá, dưới tác động của biến đổi khí hậu, diện tích tối thiểu của mặt nước  $F \geq 5\%$  diện tích lưu vực cần tiêu.

**b) Quy hoạch thoát nước mưa**

- Khu vực đô thị:

+ Các đô thị được chia thành các lưu vực thoát nước bảo đảm thoát nước mưa nhanh và triệt để.

+ Xây dựng mới hồ điều hòa, trạm bơm tiêu; cải tạo trục tiêu chính.

+ Khu vực đô thị cũ: Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có để thoát nước mưa (kết hợp giải pháp xây dựng hệ thống cống bao, giếng tách để đưa nước thải về nhà máy xử lý).

+ Khu vực đô thị mới: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Nước mưa được thoát ra sông, kênh, rạch và không phải xử lý.

+ Dự kiến xây dựng công trình đầu mối chính tiêu thoát nước mặt cho các đô thị thuộc phạm vi lưu vực sông Cầu như sau:

STT	Thành phố (đô thị)	Số lượng lưu vực thoát	Hồ điều hòa		Trạm bơm tiêu đô thị	
			Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Tổng công suất (m <sup>3</sup> /h)
1	Thị xã Bắc Kạn	05	01	2,8		
2	Thành phố Thái Nguyên	05	07	159,2		
3	Đô thị Vĩnh Phúc	03	03	1650	03	3.420.000
4	Thành phố Bắc Giang	07	10	43,34	10	259.500
5	Thành phố Bắc Ninh	03	13	196,6	11	96.000
6	Thành phố Hải Dương	03	11	64,78	9	190.000
7	Thành phố Hà Nội (huyện Mê Linh, Đông Anh, Sóc Sơn)	07	04	692,5	13	862.560
	<b>Tổng cộng</b>	<b>33</b>	<b>49</b>	<b>2.809,22</b>	<b>46</b>	<b>4.828.060</b>

- Khu vực nông thôn:

+ Lựa chọn hệ thống thoát nước phù hợp với hệ thống tiêu thủy lợi và điều kiện của địa phương.

+ Đối với sông, suối chảy qua khu vực dân cư cần cải tạo, gia cố bờ, chống sạt lở.

+ Đối với khu dân cư nằm bên sườn đồi, núi phải thiết kế các mương đón hướng dòng chảy trên đỉnh đồi, núi xuống, không chảy tràn qua khu dân cư.

- Khu công nghiệp

Các khu công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Nước mưa được thoát trực tiếp ra sông, kênh, rạch.

c) Quy hoạch thoát nước thải và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp và nông thôn

- Các chỉ tiêu tính toán:

Các chỉ tiêu tính toán căn cứ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

+ Tiêu chuẩn thoát nước thải:  $\geq 80\%$  tiêu chuẩn cấp nước

STT	Khu vực thoát nước	Lưu lượng nước thải (lít/người/ngày đêm)	
		2020	2030
1	Đô thị	80 -165	100 - 200
2	Nông thôn	60	80
3	Khu công nghiệp	20 - 40 m <sup>3</sup> /ha/ngày đêm	

+ Chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn hiện hành

- Dự báo nhu cầu thoát nước thải lưu vực sông Cầu:

Dự báo tổng lượng nước thải tại các đô thị, khu vực nông thôn, khu công nghiệp phát sinh trong phạm vi lưu vực sông Cầu:

STT	Hạng mục	Lượng nước thải phát sinh (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	
		Năm 2020	Năm 2030
1	Nước thải đô thị	732.642	1.118.940
2	Nước thải nông thôn	392.782	687.957
3	Nước thải công nghiệp	682.294	930.261
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.807.718</b>	<b>2.737.158</b>

- Quy hoạch thoát nước thải đô thị, khu công nghiệp

Các giải pháp thoát nước và xử lý nước thải phù hợp định hướng thoát nước trong quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch thoát nước của các địa phương.

+ Đối với các đô thị:

Các đô thị từ loại III trở lên đang sử dụng mạng lưới thoát nước chung thì xây dựng hệ thống cống bao, giếng tách để đưa nước thải về nhà máy xử lý.

Các đô thị mới, đô thị loại IV, loại V xây dựng hệ thống thoát nước riêng, thu gom xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra hệ thống sông trong khu vực.

+ Đối với các khu công nghiệp:

Các khu công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng, thu gom xử lý tập trung đạt quy chuẩn trước khi xả ra hệ thống sông trong khu vực.

+ Xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị phù hợp với quy mô và tính chất của đô thị. Công suất thiết kế của nhà máy xử lý nước thải được tính toán trên cơ sở tiếp cận dịch vụ thoát nước của người dân và từng giai đoạn phát triển.

+ Dự kiến xây dựng các nhà máy xử lý nước thải cho các đô thị thuộc phạm vi lưu vực sông Cầu như sau:

STT	Nhà máy xử lý nước thải	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	
		Đến năm 2020	Đến năm 2030
<b>I</b>	<b>Thị xã Bắc Kạn</b>		
1	Nhà máy Đức Quân	4000	6000
2	Nhà máy Xuất Hóa	-	3000
<b>II</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>		
1	Nhà máy Túc Duyên	28.000	28.000
2	Nhà máy Tân Lập	10.000	20.000
3	Nhà máy Đồng Bầm	-	10.000
4	Nhà máy Hương Sơn	-	30.000
<b>III</b>	<b>Đô thị Vĩnh Phúc</b>		
1	Nhà máy Tây Vĩnh Yên	-	49.000
2	Nhà máy Trung tâm Vĩnh Yên	12.000	46.000
3	Nhà máy Nam Vĩnh Yên	-	44.000
4	Nhà máy Đông Bắc Vĩnh Yên	-	25.000
5	Nhà máy Phúc Yên		46.000
<b>IV</b>	<b>Thành phố Bắc Giang</b>		
1	Nhà máy số 1 (đã có)	15.000	25.000
2	Nhà máy Mỹ Độ	7.000	15.000
3	Nhà máy Đa Mai	2500	5.000

STT	Nhà máy xử lý nước thải	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	
		Đến năm 2020	Đến năm 2030
<b>V</b>	<b>Thành phố Bắc Ninh</b>		
1	Nhà máy Kim Chân	28.000	28.000
2	Nhà máy Vạn An		8000
<b>VI</b>	<b>Thành phố Hải Dương</b>		
1	Nhà máy Ngọc Châu	20.000	40.000
2	Nhà máy Lô Cương	20.000	40.000
3	Nhà máy Nam sông Sắt	5.500	10.000
<b>VII</b>	<b>Thành phố Hà Nội (Mê Linh, Đông Anh, Sóc Sơn)</b>		
1	Nhà máy Đại Thịnh	15.000	19.000
2	Nhà máy Tiên Phong	36.000	48.000
3	Nhà máy Bắc Thăng Long (đã có)	84.000	116.000
4	Nhà máy Sơn Du	76.000	104.000
5	Nhà máy Cổ Loa	48.000	61.000
6	Nhà máy Sóc Sơn	21.000	37.000
7	Nhà máy Đông Xuân 1	23.000	41.000
8	Nhà máy Đông Xuân 2	22.000	38.000
9	Nhà máy Dục Tú	22.000	29.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>499.000</b>	<b>971.000</b>

- Quy hoạch thoát nước thải khu vực nông thôn

+ Các khu dân cư sống tập trung theo cụm: Do lượng nước thải ít, tùy theo địa hình mà bố trí hồ sinh học để xử lý nước thải.

+ Các khu dân cư tập trung theo tuyến: Nước thải được xử lý theo từng hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình (như xây dựng bể tự hoại, hầm biogas...) thải ra mương, cống thoát nước.

+ Kiểm soát chất lượng nước khu vực sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học trong nông nghiệp.

d) Lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, các địa phương lựa chọn công nghệ và thiết bị xử lý nước thải cho phù hợp; ưu tiên công nghệ và thiết bị hiện đại, chất lượng cao, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ sản xuất trong nước.

5. Khái toán kinh phí đầu tư

a) Nhu cầu vốn đầu tư:

Ước tính vốn đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước (bao gồm hệ thống thoát nước mưa, nước thải, trạm xử lý nước thải) trong phạm vi lưu vực sông Cầu đến năm 2020 và năm 2030 là:

- Năm 2020 khoảng 30.100 tỷ đồng.

- Năm 2030 khoảng 43.700 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách nhà nước.

- Vốn ODA, vốn tài trợ nước ngoài.

- Vốn tín dụng đầu tư.

- Vốn từ các nhà đầu tư trong, ngoài nước.

- Vốn huy động từ các thành phần kinh tế khác.

## 6. Đề xuất các dự án ưu tiên xây dựng giai đoạn 2013 - 2020

a) Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước

Tỉnh Bắc Kạn:

- Dự án cải tạo và xây mới hệ thống thoát nước mặt thị xã Bắc Kạn và các thị trấn (loại V trở lên).

- Dự án xây dựng cụm công trình thủy lợi Chợ Mới, cụm công trình Bạch Thông, hồ Bản Long.

- Dự án xây dựng mới hồ chứa Nậm Cắt chống lũ cho thị xã Bắc Kạn.

- Dự án nạo vét sông Cầu (đoạn sông đi qua đô thị).

Tỉnh Thái Nguyên:

- Dự án cải tạo và xây mới hệ thống thoát nước mặt thị xã Sông Cầu và các thị trấn (loại V trở lên).

- Tiếp tục đầu tư triển khai dự án hồ chứa Văn Lang.

- Dự án xây dựng đê chống lũ bờ hữu sông Cầu.

- Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống thủy nông Núi Cốc - tỉnh Thái Nguyên.

- Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống thủy nông Thác Huống.

- Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống hồ chứa của huyện Võ Nhai, cụm hồ chứa Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên).

Tỉnh Vĩnh phúc:

- Dự án cải tạo và xây mới hệ thống thoát nước mặt các thị trấn (loại V trở lên).

- Dự án cải tạo sông Phan, xây dựng 02 trục tiêu và 02 hồ điều hòa hướng thoát ra sông Hồng giảm tải cho sông Cà Lò trước khi nhập vào sông Cầu, hạn chế hiện tượng nước từ sông Cầu chảy ngược vào sông Cà Lò tại thời điểm lũ lớn trên các sông.

- Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống thủy nông Liễn Sơn - Bạch Hạc.

- Dự án cải tạo đầu mối và hệ thống kênh tưới hồ Đại Lải, kênh tiêu Bến Tre - đô thị Vĩnh Phúc.

Tỉnh Bắc Giang:

- Dự án cải tạo và xây mới hệ thống thoát nước mặt các thị trấn (loại V trở lên).

- Dự án xây dựng hồ Quỳnh và đập sông Sỏi, hồ Suối Mỡ, cụm công trình thủy lợi huyện Lục Ngạn.

- Dự án cải tạo tuyến thoát nước phía Tây Bắc của thành phố Bắc Giang (mương nhà máy Phân đạm Hà Bắc).

- Dự án xây dựng tuyến thoát nước dọc quốc lộ 1A (từ hồ Ùng Bô đến trạm bơm Châu Xuyên).

- Dự án cải tạo kênh Cống Bún (qua đô thị Tây Nam).

Tỉnh Bắc Ninh:

- Dự án cải tạo và xây mới hệ thống thoát nước mặt các thị trấn (loại V trở lên).

- Dự án nâng cấp trạm bơm tiêu - Kênh Vàng II.

Thành phố Hà Nội:

- Dự án nâng cấp cao độ tuyến đê sông Cà Lò (10 km thiếu cao độ gia tăng khoảng 0,5 m để đảm bảo chống lũ).

- Lập dự án thoát nước, ứng phó với biến đổi khí hậu, (lượng mưa tăng 5%), giảm thiểu tình trạng úng ngập nội thị.

Tỉnh Hải Dương:

- Dự án cải tạo và xây mới hệ thống thoát nước mặt các thị trấn (loại V trở lên).



- Dự án xây dựng kênh tiêu, thoát lũ núi huyện Chí Linh.
- Dự án nạo vét toàn bộ sông trực và sông cấp 2 của hệ thống Bắc Hưng Hải.
- Dự án xây kè sông Sặt - thành phố Hải Dương.

b) Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Thành phố Hà Nội:

- Hệ thống thoát nước nước thải và trạm xử lý nước thải Bắc Thăng Long, công suất 84.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Hệ thống thoát nước nước thải và trạm xử lý nước thải Sóc Sơn, công suất 21.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Tỉnh Thái Nguyên:

- Hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải phía Nam thành phố Thái Nguyên (vị trí phường Hương Sơn) công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải các khu công nghiệp tập trung: Sông Công II công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Nam Phổ Yên công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Tây Phổ Yên công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Quyết Thắng công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Diềm Thụy công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Tỉnh Vĩnh Phúc:

- Hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải các khu công nghiệp Bình Xuyên II công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Tỉnh Bắc Ninh:

- Hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, khu dân cư tập trung nông thôn dọc sông Ngũ Huyện Khê như đô thị Chờ (huyện Yên Phong), khu công nghiệp Yên Phong,...

- Hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải thành phố Bắc Ninh, đô thị Phố Mới (huyện Quế Võ), khu công nghiệp Quế Võ.

Tỉnh Bắc Giang:

- Hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải các khu công nghiệp tập trung: Song Khê Nội Hoàng công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Quang Châu công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Vân Trung công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Việt Hàn công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Tỉnh Bắc Kạn:

- Hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải phía Nam thị xã Bắc Kạn (khu vực Xuất Hóa), công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

## Tỉnh Hải Dương:

- Hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải khu công nghiệp tập trung: Cẩm Điền - Lương Điền công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Cộng Hòa công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải các đô thị sẽ dự kiến nâng cấp lên đô thị loại III, IV như thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn và các thị trấn: Phú Thái, Nam Sách, Kê Sặt, Lai Cách, Gia Lộc, Ninh Giang.

### 7. Đánh giá môi trường chiến lược

#### a) Tác động tích cực đến môi trường:

- Đảm bảo môi trường nước lưu vực sông Cầu không bị ô nhiễm do các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người.

- Tạo môi trường đô thị, khu công nghiệp, làng nghề được trong sạch, tạo môi trường tốt thu hút các nhà đầu tư.

- Góp phần vào sự phát triển bền vững của các đô thị, các khu công nghiệp trong lưu vực sông.

- Bảo vệ sức khỏe cho người dân.

#### b) Dự báo tác động môi trường khi thực hiện quy hoạch:

Trong quá trình thi công xây dựng mạng lưới thoát nước công trình xử lý nước thải sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và sức khỏe của người dân quanh khu vực xây dựng như: Ô nhiễm môi trường không khí, ô nhiễm nguồn nước mặt,...; giai đoạn vận hành thử và nghiệm thu công trình có thể chưa bảo đảm chất lượng tiêu chuẩn môi trường dẫn đến ảnh hưởng chất lượng nước của các nguồn tiếp nhận (sông, hồ), chất thải trong quá trình xử lý nước thải gây ô nhiễm môi trường.

#### c) Các giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường:

- Giải pháp thiết kế, công nghệ hợp lý bảo đảm xử lý nước thải theo quy định về môi trường.

- Xây dựng các biện pháp thi công hợp lý giảm ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn đối với phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới trên công trường.

- Xây dựng và thực hiện các quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước (mạng lưới thoát nước và nhà máy xử lý nước thải).

- Xây dựng các giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường khi xảy ra các sự cố trên hệ thống thu gom và chuyên tải nước thải về nhà máy xử lý.

- Xây dựng kế hoạch giám sát, kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý xả ra môi trường theo quy định.

- Nâng cao năng lực quản lý và vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

- Các biện pháp hỗ trợ khác.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Bộ Xây dựng:**

- Tổ chức công bố Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Cầu đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo các hình thức phù hợp và bàn giao hồ sơ quy hoạch cho các địa phương theo quy định hiện hành.

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành thoát nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Cầu đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

### **2. Các Bộ, ngành liên quan:**

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các vùng lưu vực sông Cầu tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

**3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng lưu vực sông Cầu:**

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành thoát nước trên địa tỉnh phù hợp với Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Cầu đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thoát nước đáp ứng cho từng giai đoạn; xây dựng cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn triển khai quy hoạch này.

- Rà soát và lập kế hoạch sử dụng đất cho các công trình thoát nước, từ thu gom, chuyển tải đến xử lý nước thải.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ các dự án đầu tư xây dựng mạng lưới thu gom, chuyển tải với các dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải.

- Tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về vệ sinh môi trường, bảo vệ hệ thống thoát nước, vai trò của hệ thống thoát nước với môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Y tế, Khoa học và Công nghệ;
- Thành ủy, Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương, thành phố Hà Nội;
- Ủy ban bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, KGVX, V.III;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).KN. 55

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Hoàng Trung Hải**

Hội đồng Bộ trưởng  
Phó Thủ tướng  
Bộ trưởng Bộ Công Thương  
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội  
Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương